

Bản án số: 212/2017/HSST
Ngày 24- 8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

2. Bà Phạm Tú Nhi .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Văn phòng khu phố N1, phường A, thị xã K, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 210/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2017/HSST-QĐ ngày 09/8/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm Đ, xã K, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 và con bà Tăng Thị M, sinh năm 1969; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993; có vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo ra đầu thú và bị bắt tạm giam ngày 10/3/2017, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH Công nghiệp S; địa chỉ: 08 đường 18, khu công nghiệp T2, thị xã K, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Bùi Tá D, sinh năm 1982; thường trú: Khu phố H1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, có mặt

- Người làm chứng:

1. Ngô Thái T1, sinh năm 1991; thường trú: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

2. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1982; thường trú: Thôn A xã K huyện P, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
3. Nguyễn Phước Th, sinh năm 1971; thường trú: Khu phố Đ1, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
4. Nguyễn Thái T, sinh năm 1992; thường trú: Ấp V xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.
5. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965; thường trú: Khu phố L1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
6. Phạm Lĩnh S, sinh năm 1985; thường trú: Ấp H, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.
7. Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1990; thường trú: Khóm P, phường S, Thành phố Đ, tỉnh An Giang, vắng mặt.
8. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; thường trú: Xóm 1 xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, vắng mặt
9. Đinh Văn Th, sinh năm 1992; thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
10. Nguyễn Trung Q, sinh năm 1993; thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.
11. Vũ Xuân H, sinh năm 1991; thường trú: Thôn H, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình, vắng mặt
12. Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
13. Võ Thành N, sinh năm 1962; thường trú: Ấp 6 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012 bị cáo Nguyễn Văn T cùng với Nguyễn Văn C, Nguyễn Quốc Th (B), Nguyễn Văn Đ làm công nhân tại bộ phận lò luyện công ty TNHH công nghiệp S địa chỉ khu công nghiệp T2, thị xã K, tỉnh Bình Dương.

Ngô Thái T1, Vũ Xuân Hạnh làm bảo vệ tại kho hàng công ty Masan thuộc kho K sát công ty TNHH công nghiệp S.

Phạm Lĩnh S, Nguyễn Ngọc V, Đinh Văn Th, Lê Thành S là tài xế và lái xe tải biển số 51C - 056.80, xe tải biển số 51C - 099.28 và xe tải biển số 51C - 00570 của công ty Minh Kiên P chở hàng cho công ty Masan.

Nguyễn Văn H, Võ Thành Nh làm nghề mua bán phế liệu.

Khi làm ở đây bị cáo Nguyễn Văn T và các đồng phạm biết công ty TNHH công nghiệp S ngày thứ 7, chủ nhật công nhân không làm ca đêm, chỉ có công

nhân làm bộ phận lò luyện và bảo vệ trực gác ở cổng nên T rủ Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1 lấy dây đồng, thỏi nhôm, kẽm của công ty TNHH công nghiệp S đưa qua kho K sau đó mang ra ngoài bán.

Nguyễn Văn T và các đồng phạm thực hiện việc chiếm đoạt như sau:

Lần 1: Vào một ngày không xác định giữa tháng 8/2012 khoảng 04 giờ sáng, bị cáo T chạy xe mô tô không rõ biển số đến cổng kho K nói Ngô Thái T1 mở cổng rồi chạy xe dựng sát tường rào công ty TNHH công nghiệp S, T điện thoại cho Nguyễn Văn C đang ở trong lò luyện lấy các đoạn dây đồng chuyển qua tường rào, sau đó T lấy bao lylon bọc các đoạn dây đồng lại đưa lên xe mô tô chở về phòng trọ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày khi C đi làm về, T cùng C mang số dây đồng đã lấy khoảng 100kg đến khu vực chợ A2 bán cho người thu mua phế liệu dạo được 12.500.000đồng. T giữ 5.000.000đồng chia cho C 5.000.000 đồng, chia cho T1 2.500.000đồng.

Lần 2: Trong tháng 9/2012 với cách thức như trên T cùng với Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1 tiếp tục lấy 100kg dây đồng. T và C mang bán cho người mua phế liệu dạo được 12.000.000 đồng và chia mỗi người 4.000.000đồng.

Lần 3: Trong tháng 10/2012 với cách thức như trên T cùng với Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1 lấy 100kg dây đồng. T và C mang bán cho người mua phế liệu dạo được 12.000.000đồng sau đó chia mỗi người 4.000.000 đồng.

Lần 4: Trong tháng 11/2012, do lò luyện của công ty TNHH công nghiệp S không còn dây đồng nên T, Nguyễn Văn C và Ngô Thái T1 lấy nhôm thỏi mang bán. Thời điểm này T1 rủ thêm Đinh Văn Th lái xe tải biển số 51C- 099.28 của công ty vận tải P tham gia. Khoảng 01 giờ ngày không xác định trong tháng 11/2012, T từ phòng trọ đến kho K gặp T1 sau đó trèo tường rào vào trong công ty TNHH công nghiệp S đến lò luyện nhôm gặp C. C, T chất thỏi nhôm Silicol lên xe kéo tay sau đó kéo đến bờ tường rào bỏ xuống rồi điện thoại cho T1, T1 điện thoại cho Th điều khiển xe tải biển số 51C – 099.28 cặp sát tường rào. Sau đó T, C bê thỏi nhôm qua tường rào cho T1 và Th xếp lên thùng xe, Th điện thoại cho Nguyễn Văn H nói có nhôm thỏi lấy trộm của công ty và hỏi H mua. Th, T, T1 mang số thỏi nhôm bán cho H được 24.840.000 đồng, sau đó H bán lại cho người khác thu lợi 4.400.000 đồng. Số tiền bán được T lấy 7.340.000 đồng, cho T1 9.000.000 đồng, cho C 5.500.000 đồng, chia Th 3.000.000 đồng.

Lần 5: Khoảng giữa tháng 02/2013, bị cáo T cùng với Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1 vào công ty TNHH công nghiệp S lấy tài sản, T1 rủ thêm Vũ Thúc Th2 tham gia, sau đó T1 điện thoại cho Đinh Văn Th hỏi đêm có chỗ hàng cho công ty Massan và vào kho K hay không thì Th cho biết không chạy, tài xế chạy là Lê Thành S, tài xế xe biển số 51C – 00570. Th cho T1 số điện thoại của S. T1 đến kho K gặp S rủ S thực hiện việc lấy tài sản công ty. Khoảng 02 giờ sáng ngày hôm sau, khi C đang làm ca đêm, T1, T đến kho K, T trèo tường rào vào công ty TNHH công nghiệp S gặp C còn T1 đứng bên ngoài tường rào, Th2 đứng tại cổng kho cảnh giới. T và C lấy 130 kg đồng cắt khúc từ lò luyện đem đến tường rào rồi chuyển qua cho T1, S xếp vào thùng xe ô tô biển số 51C – 00570. S điều

khuyến xe cùng với T1, T chở đồng đến bán cho Nguyễn Văn H được 14.800.000đồng, H bán lại cho người khác hưởng lợi 780.000 đồng. Số tiền bán đồng T1, T, S và C chia nhau mỗi người 3.700.000đồng, Th2 không được chia.

Lần 6: Khoảng cuối tháng 4/2013, với cách thức như trên bị cáo T và Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1, Vũ Thúc Th2 và Đinh Văn Th lấy 40 thỏi nhôm, mỗi thỏi có trọng lượng 23kg, tổng trọng lượng 920kg. Sau đó Th điều khiển xe ô tô cùng với T1, T mang bán cho Nguyễn Văn H được 22.080.000đồng. H bán lại cho người khác thu lợi 5.520.000đồng. Số tiền bán nhôm T, T1, C và Th chia nhau mỗi người 5.520.000đồng. Số tiền được chia T1 cho Th2 1.000.000đồng.

Lần 7: Trong tháng 7/2013, bị cáo T cùng với Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1 (T và C rủ thêm Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quốc Th3) vào công ty lấy tài sản. T liên hệ với Phạm Linh S tài xế xe tải biển số 51C – 056.80 để chở nhôm khi lấy được, S rủ thêm Nguyễn Ngọc V tham gia. Tiếp đó, S điều khiển xe ô tô biển số 51C – 056.80 đưa T, C, Đ, Th3, T1 vào kho K. T, C, Đ, Th3 leo tường rào vào công ty TNHH công nghiệp S đến lò luyện nhôm, Tr gặp Vũ Thúc Th2 nói Th2 đứng ngoài canh giới, sau đó T, C, Đ, Th3 lấy 47 thỏi nhôm mỗi thỏi có trọng lượng 23 kg, tổng cộng là 1.081kg bê qua tường rào để T1, S và V xếp lên thùng xe ô tô biển số 51C – 056.80. Tiếp theo S chở nhôm cùng T, C, Th3 mang bán cho Võ Thành N được 27.025.000đồng. N bán lại cho người khác hưởng lợi 4.324.000đồng. Số tiền bán nhôm T chia cho T1, Th3, Đ, S mỗi người 4.500.000đồng, T1 giữ lại 9.025.000đồng và cho Th2 1.000.000đồng, S cho V 1.000.000đồng.

Lần 8: Cũng với cách thức như trên. Vào đêm ngày 18/8/2013, rạng sáng ngày 19/8/2013 bị cáo T cùng với Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quốc Th3, Ngô Thái T1, Phạm Linh S và Nguyễn Ngọc V vào công ty TNHH công nghiệp S lấy 46 thỏi nhôm, mỗi thỏi có trọng lượng 23 kg, tổng trọng lượng là 1.058kg sau đó mang bán cho Võ Thành N được 26.450.000đồng. N mua và bán lại thu lợi 4.232.000 đồng. Số tiền bán nhôm T, C, Đ, Th2, T1, S mỗi người được chia 4.408.000đồng, S cho V 1.500.000đồng.

Lần 9: Với cùng cách thức như trên, trưa ngày 01/9/2013, Ngô Thái T1 điện thoại rủ Phạm Linh S lấy tài sản trong công ty TNHH công nghiệp S, S hẹn đón T1, C, Th2, T, Đ tại phía trước quán cà phê Xóm Vắng 2 để đưa vào kho K. Tối cùng ngày bị cáo T cùng với Ngô Thái T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quốc Th2 đến quán cà phê Xóm Vắng 2 ngồi chờ, khi đi Ngô Thái T1 rủ thêm Nguyễn Trung Q. Khoảng 20 giờ cùng ngày Phạm Linh S, Nguyễn Ngọc V điều khiển xe ô tô biển số 51C - 056.80 chở hàng từ công ty Massan đến kho K, S dừng xe tại quán cà phê Xóm Vắng 2, V mở cửa cabin xe để cho Đ, C, Th2, Q và T lên xe cùng vào kho K. T1 ở lại chờ S và V chở chuyển hàng tiếp theo vào sau. Vào đến kho K, S chạy xe cặp sát tường rào công ty TNHH công nghiệp S cho Đ, C, Th2 và T leo hàng rào sang, sau đó cả nhóm đi bằng cầu thang lên bồn nước của công ty và trèo lên mái tôn của lò luyện kim rồi đi xuống bằng cầu thang bồn dầu sử dụng cho lò luyện kim, Q ở trong kho K chờ. Vào được khu vực lò luyện kim Đ, C, Th2 và T khiêng các thỏi nhôm, kẽm tại cửa lò đưa ra sát

vách tường. Sau đó Đ, C, Th2 và T vào kho K để leo qua công ty TNHH công nghiệp S, S và V tiếp tục quay về công ty Massan nhận hàng đưa đến kho K. Trên đường chở hàng quay lại kho K, S, V dừng xe phía trước quán cà phê Xóm Vắng 2 đón T1. Vào được kho K, T1 gặp Vũ Xuân H rủ H tham gia và nói H đứng ngoài cảnh giới. Khi xuống hàng đưa vào kho cho công ty Massan xong, S, V chở T1 ra bờ tường rào sát với lò luyện kim của công ty TNHH Công nghiệp S. S, V quay lại cùng với T1, Q. Lúc này T1 điện thoại cho T, C đang ở trong lò luyện kim biết để đưa các thỏi nhôm, kẽm ra ngoài cho T1 xếp lên thùng xe. Ở phía trong lò luyện kim C, Đ đưa các thỏi nhôm, kẽm cho T và Th2 để bê qua hàng rào lưới B40 ra ngoài cho T1, Q sau đó chuyển cho S, V đang đứng trên thùng xe ô tô tải 51C – 056.80 xếp vào thùng xe. Đến 01 giờ 45 phút ngày 02/9/2013 tất cả đưa ra được 19 thỏi nhôm, 46 thỏi nhôm Silicol và 37 thỏi kẽm, tổng cộng là 102 thỏi xếp xuống thùng xe 51C – 056.80 thì anh Nguyễn Phương H, Nguyễn Phước Th3, Nguyễn Thái T4 (bảo vệ của tổng kho K) tuần tra báo Công an Đoàn khu công nghiệp T đến bắt giữ được Đ, C, T1 và H.

Ngày 12/9/2014, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử đối với Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1, Phạm Linh S, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Văn Đ, Đinh Văn Th, Nguyễn Trung Q, Vũ Xuân H, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, đồng thời giải quyết về trách nhiệm dân sự, việc xử lý vật chứng theo bản án số 428.

Ngày 23/11/2016, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử đối với Lê Thành S theo bản án số 372.

Ngày 10/3/2017 Nguyễn Văn T ra đầu thú tại công an tỉnh Nghệ An, sau đó được di lý về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An để điều tra theo quy định.

Bản kết luận định giá số 77/BB.ĐG ngày 05/5/2014 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An xác định trị giá 01 kg nhôm nguyên liệu dạng thỏi là 43.353đồng; trị giá 01 kg nhôm silicol nguyên liệu dạng thỏi là 86.490đồng; trị giá 01 kg kẽm nguyên liệu dạng thỏi là 84.380đồng và trị giá 01 kg dây đồng là 194.000đồng.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án: 152 thỏi nhôm tổng trọng lượng 3.496kg trị giá 151.562.088đồng; 146 thỏi nhôm silicol tổng trọng lượng 1.606 kg trị giá 138.902.940đồng; 37 thỏi kẽm tổng trọng lượng 851kg trị giá 71.807.380đồng; 430 kg dây đồng trị giá 83.420.000đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 445.692.408đồng.

Quá trình điều tra thu hồi 19 thỏi nhôm, 46 thỏi nhôm silicol, 37 thỏi kẽm, tổng giá trị 134.516.581đồng đã trả lại cho công ty TNHH công nghiệp S.

Cáo trạng số 213/QĐ/KSĐT ngày 19/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo Điểm a Khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a

Khoản 3 Điều 138; Điểm p, q Khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức án từ 8 năm đến 9 năm tù.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi công ty TNHH công nghiệp S, bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo để sớm về gia đình, hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Thời gian từ tháng 8/2012 đến 02/9/2013, khi làm công nhân tại công ty TNHH công nghiệp S địa chỉ khu công nghiệp T2, thị xã K, tỉnh Bình Dương, bị cáo T cùng với Nguyễn Văn C, Nguyễn Quốc Th2 (B), Nguyễn Văn Đ, Ngô Thái T1, Vũ Xuân H, Phạm Lĩnh S, Nguyễn Ngọc V, Đinh Văn Th2, Lê Thành S lợi dụng ngày thứ 7, chủ nhật công nhân công ty TNHH công nghiệp S không làm ca đêm, chỉ có công nhân làm bộ phận lò luyện và bảo vệ trực gác ở cổng, các bị cáo đã rủ bảo vệ công ty, sau đó đột nhập vào công ty lấy tài sản gồm nhôm, đồng, kẽm là những nguyên liệu trong lò luyện kim của công ty bán cho Nguyễn Văn H, Võ Thành N. Bị cáo T thực hiện 09 lần cùng các đồng phạm chiếm đoạt 3.496 kg nhôm, 1.606 kg nhôm Silicol và 851 kg kẽm có tổng trị giá 445.692.408 đồng để bán lấy tiền chia nhau, bị cáo T được chia 41.993.000đồng.

Tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. ...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;*

Như vậy, với việc cùng các đồng phạm lén lút chiếm đoạt tài sản của công ty TNHH Công nghiệp S có trị giá 445.692.408 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành Trộm cắp tài sản được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 213/QĐ-KSĐT ngày 19/7/2017 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương cũng như việc đầu tư làm ăn của các công ty tại các khu công nghiệp. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo T mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm do trong quá trình bỏ trốn và ra đầu thú bị cáo đã cung cấp thông tin cho Công an tỉnh Nghệ An điều tra làm rõ 02 vụ án mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo có cha ruột ông Nguyễn Văn T1 được Nhà nước tặng bằng khen chiến sỹ thi đua năm 1987, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo; bị cáo đã ra đầu thú. Tình tiết trên được quy định tại Điểm p, q Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo có nghề nghiệp ổn định, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Việc bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH công nghiệp S đã được xét xử, giải quyết tại bản án số 428/HSST/2014 ngày 12/9/2014. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết

[5] Trong vụ án có đồng phạm, bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng rủ rê Nguyễn Văn C, Ngô Thái T1 phạm tội, sau đó C, T1 tiếp tục rủ Phạm Lĩnh S, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Văn Đ, Đinh Văn Th2, Nguyễn Trung Q, Vũ Xuân H, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, Lê Thành S cùng tham gia phạm tội, các bị cáo tuy không phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội, nên không xem là phạm tội có tổ chức. Bị cáo T cùng các đồng phạm tham gia với vai trò người thực hành.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo T. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo T có phần nghiêm khắc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 138; Điểm p, q Khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (01)
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Linh